TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 17/3/2025
V/v: *Yêu cầu tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Phạm Thị Cung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc "*Yêu cầu tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà BTM, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Bà PTV, sinh năm: 1956 và anh NNL, sinh năm: 1980.

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà BTM, vắng mặt bà PTV, anh NNL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2024, bản tự khai ngày 13 tháng 9 năm 2024, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà BTM trình bày:

Khoảng năm 2022 gia đình anh NNL có mua vật liệu xây dựng của bà BTM, bao gồm gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, xi măng … để hoàn thiện nhà, với tổng số

tiền hàng trị giá 37.270.000 đồng. Sau khi hoàn thiện công trình, anh NNL không có động thái trả nợ. Bà BTM đã nhiều lần yêu cầu anh NNL trả tiền nhưng anh NNL cố tình không trả, nên đến ngày 17/10/2023 bà BTM đã đến gia đình anh NNL, yêu cầu anh NNL và bà PTV là mẹ đẻ của anh NNL viết giấy nhận nợ mua vật liệu xây dựng. Anh NNL và bà PTV đã ký cam kết trả nợ trong vòng 6 tháng, lãi suất 1,3%/tháng.

Quá trình thực hiện anh NNL đã trả cho bà BTM được 4 tháng lãi, mỗi tháng 500.000 đồng từ tháng 11/2023 đến tháng 2/2024, sau đó anh NNL không thực hiện trả lãi nữa. Bà BTM tiếp tục đòi nhiều lần, đến ngày 24/4/2024 anh NNL và bà PTV đã trả cho bà được 5.000.000 đồng tiền gốc, từ đó đến nay gia đình anh NNL không trả cho bà thêm bất kỳ khoản tiền nào nữa dù bà đã đòi nợ rất nhiều lần.

Vì vậy, bà BTM đề nghị Toà án buộc anh NNL và bà PTV phải thực hiện trả nợ cho bà số tiền gốc còn lại là 32.270.000 đồng và lãi phát sinh theo thoả thuận 1,3%/tháng, tính từ ngày 24/4/2024 đến nay, tiếp tục tính lãi theo lãi suất đã thoả thuận sau thời điểm xét xử.

Đối với bị đơn, sau nhiều lần triệu tập nhưng bị đơn không đến, Toà án đã đến tại gia đình anh NNL, bà PTV để trực tiếp làm việc với bị đơn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 12 năm 2024, bị đơn bà PTV trình bày:

Bà xác nhận gia đình bà có mua vật liệu xây dựng của cửa hàng bà BTM, thời điểm mua là khoảng năm 2023, không nhớ thời gian cụ thể, anh NNL là người trực tiếp đi mua để mang về, gồm gạch lát nền nhà, bồn cầu nhà vệ sinh và các thiết bị khác trong nhà vệ sinh. Nội dung ghi trong giấy nhận nợ vật liệu xây dựng mà Toà án cho bà tiếp cận là đúng thực tế, chữ viết là của bà BTM, còn chữ ký trong giấy đúng là của bà và của anh NNL.

Số tiền nợ vật liệu xây dựng 37.270.000 đồng thể hiện trong giấy là đúng sự thật. Bà cam kết cùng anh NNL đứng ra trả nợ, mỗi tháng 500.000 đồng tiền lãi. Còn số tiền nợ gốc 37.270.000 đồng, vào thời điểm tháng 3/2024 bà đã đưa tiền cho anh NNL để trả hết nợ cho bà BTM. Anh NNL cầm tiền và trực tiếp trả cho bà BTM nên bà không có giấy tờ gì xác nhận việc đã trả nợ.

Nay bà BTM làm đơn khởi kiện thì quan điểm của bà như sau: Bà khẳng định đã trả hết nợ cho bà BTM từ tháng 3/2024, nay bà không còn nợ bà BTM bất kỳ khoản tiền gì nữa.

Các văn bản tố tụng mà Toà án gửi về bà và anh NNL đều đã nhận, nhưng bà nghĩ bà không nợ và bản thân bà bị áp huyết cao không đi được nên bà và anh NNL không đến làm việc với Toà án. Bà đề nghị Toà án miễn án phí và giải quyết vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 288, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà PTV và anh NNL phải có nghĩa vụ trả cho bà BTM số tiền gốc và lãi tính đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm 17/3/2025 là 36.759.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất trong giấy cam kết vay tiền là 1,3%/tháng.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bà PTV. Anh NNL phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà PTV và anh NNL là bị đơn đang cư trú tại Thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, nên Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Do Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà PTV và anh NNL đến Tòa án để hòa giải, đối chất nhưng bà PTV và anh NNL không đến, nên không thể hòa giải, đối chất được.

Bà PTV và anh NNL đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng không đến phiên tòa, do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà PTV và anh NNL.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự về yêu cầu tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Gia đình bà PTV và anh NNL có mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của bà BTM, có nợ số tiền 37.270.000 đồng. Đến ngày 17/10/2023, hai bên đã lập giấy ghi nhận nợ vật liệu xây dựng với số tiền như trên, với lãi suất 1,3%/tháng, thời hạn trả 06 tháng kể từ ngày lập biên bản.

Tuy nhiên, sau đó bà PTV và anh NNL đã vi phạm cam kết, chỉ trả cho bà BTM 4 lần tiền lãi, mỗi lần là 500.000 đồng và trả nợ tiền gốc là 5.000.000 đồng.

Mặc dù bà PTV cho rằng vào tháng 3/2024 bà đã đưa tiền cho con trai bà là anh NNL trả hết toàn bộ số nợ cho bà BTM, nhưng bà PTV không cung cấp được bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào thể hiện việc trả nợ này. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập bà PTV và anh NNL đến để làm việc, đối chất và cung cấp chứng cứ, tài liệu nhưng bà PTV và anh NNL không đến.

Do đó việc bà BTM yêu cầu khởi kiện buộc anh NNL và bà PTV phải trả nợ cho bà như nội dung khởi kiện là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về tiền gốc: Ngày 24/4/2024 bà PTV và anh NNL đã trả được cho bà BTM 5.000.000 đồng, nên số tiền gốc còn nợ là 32.270.000 đồng.

Tiền lãi: Tại giấy ghi nhận nợ vật liệu xây dựng lập ngày 17/10/2023 các bên thống nhất trong giấy nhận nợ vật liệu xây dựng là 1,3%/tháng.

Từ ngày 24/4/2024 đến ngày xét xử 17/3/2025 là 10 tháng 21 ngày. Tiền lãi phát sinh là 4.489.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi buộc bà PTV và anh NNL có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà BTM tạm tính đến ngày xét xử 17/3/2025 là 36.759.000 đồng.

Bà PTV và anh NNL còn phải trả tiền lãi theo lãi suất đã thoả thuận kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Vì vậy, trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Số tiền án phí là 36.759.000 đồng x 5% = 1.838.000 đồng. Nhưng do bà PTV là người cao tuổi nên được miễn án phí. Anh NNL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 919.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 288, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà BTM.

1. Buộc bà PTV và anh NNL phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà BTM tổng số tiền gốc và lãi là 36.759.000 đồng, trong đó gốc là 32.270.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày xét xử là 4.489.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà PTV và anh NNL còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất 1,3%/tháng.

2. *Về án phí*:

Miễn án phí cho bà PTV. Anh NNL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 919.000 đồng (*Chín trăm mười chín nghìn đồng*).

Trả lại bà BTM số tiền 860.000 đồng theo biên lai thu số: 0003587 ngày 18/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà PTV và anh NNL vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Lê Xuân Hoàng